

Số: 2120 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 06 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát tại Văn bản số 1305/CV-GPMT ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 09/CV-TTP ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Thuận Thành Phát, địa điểm thực hiện lô A22.1B, đường D7, khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6512/TTr-STNMT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Thuận Thành Phát, quy mô 1.000 tấn/năm tại Lô A22.1B, đường D7, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Thuận Thành Phát, quy mô 1.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: Lô A22.1B, đường D7, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3901301110 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/7/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/3/2022 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8604500286 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/7/2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 25/9/2023.

1.4. Mã số thuế: 3901301110.

1.5. Loại hình Dự án: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.3 Tổng diện tích: 20.000,10 m².

1.6.3. Công suất: sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, quy mô: 1.000 tấn/năm, trong đó:

- Thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng: 550 tấn/năm.

- Thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt: 350 tấn/năm.

- Thuốc bảo vệ thực vật dạng bột: 100 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-

CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật Thuận Thành Phát của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND Thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hoà;
- Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát;
- Công ty CP KCN Thành Thành Công;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2220./GPMT – UBND
 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Toàn bộ nước thải của Dự án xử lý như sau: nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt giới hạn của Khu công nghiệp Thành Thành Công sau đó chảy ra hố ga đầu nối nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công để xử lý đạt quy chuẩn quy định; nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các bồn khuấy trộn sau mỗi mẻ sản xuất, nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm, vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm được thu gom về các bể chứa sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (không xả ra môi trường).

Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Thuận Thành Phát và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công đã ký thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 173/2020/HĐDV-TTCIZ ngày 05/8/2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực nhà điều hành, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh khu sản xuất, lưu lượng 9 m³/ngày.

Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 được thu gom về 01 bể tự hoại để xử lý sơ bộ (thể tích 43,2 m³). Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống thu gom nước thải uPVC Ø114, dài 133 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án, công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực nhà ăn, lưu lượng 5 m³/ngày;

Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn được thu gom về 01 bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ (thể tích 6 m³). Nước thải sau bể tách dầu mỡ theo đường ống thu gom nước thải uPVC Ø114, dài 132 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

của Dự án, công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Đối với nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các bồn khuấy trộn sau mỗi mẻ sản xuất và phòng thí nghiệm:

+ Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các bồn khuấy trộn sau mỗi mẻ sản xuất, lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày.

Nước thải từ nguồn số 03 được thu gom về 03 bể chứa bằng bê tông cốt thép, có chống thấm (bể chứa 01 có thể tích 37,55 m³, bể chứa 02 có thể tích 38,57 m³, bể chứa 03 có thể tích 37,55 m³) sau đó hợp đồng với Đơn vị thu gom có chức năng để xử lý.

+ Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm, lưu lượng khoảng 0,1 m³/ngày.

Nước thải từ nguồn số 04 được thu gom về 01 bể chứa bằng bê tông cốt thép, có chống thấm (thể tích 3,2 m³) sau đó hợp đồng với Đơn vị thu gom có chức năng để xử lý.

1.2. Công trình thoát nước thải sau xử lý của Dự án:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án với lưu lượng lớn nhất 14 m³/ngày.đêm được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm của Dự án, nước thải sau xử lý chảy qua đường ống uPVC Ø168, dài khoảng 120 m, chảy vào hố ga thoát nước thải nằm trên đường D7 sau đó theo đường ống bê tông cốt thép D600 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công để tiếp tục xử lý.

- Số điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp: 01 điểm.

- Tọa độ vị trí hố ga đầu nối: X = 1227925; Y = 598035 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nối lớn nhất: 14 m³/ngày.đêm

- Điểm xả nước thải: hố ga xả nước thải nằm trên đường D7 (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.3.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → 01 bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án có công suất xử lý 20 m³/ngày.đêm.

- Nước thải nấu ăn → 01 bể tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án có công suất xử lý 20 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các bồn khuấy trộn → thu gom về 03 bể chứa bằng bê tông cốt thép, có chống thấm (bể chứa 01 có thể tích 37,55 m³, bể chứa 02 có thể tích 38,57 m³, bể chứa 03 có thể tích 37,55 m³) → hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để xử lý.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm và vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm → thu gom về 01 bể chứa bằng bê tông cốt thép, có chống thấm (thể tích 3,2 m³) → hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để xử lý.

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ:

- Số lượng và dung tích: 01 bể tự hoại, thể tích 43,2 m³.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3.3. Công trình xử lý nước thải nấu ăn sơ bộ:

- Số lượng và dung tích: 01 bể tách dầu mỡ, thể tích 6 m³.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3.4. Công trình xử lý nước thải tập trung của Dự án:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn) và nước thải từ nhà ăn (sau khi qua bể tách dầu mỡ) → bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (aerotank) → Bể lắng → Đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Soda, dinh dưỡng (mật rỉ).

- Công trình thoát nước thải sau xử lý (trước khi đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN Thành Thành Công):

- Các hạng mục công trình xử lý nước thải:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
01	Bể điều hòa	- Kích thước: L x W x H = 3,1m x 2,7m x 2,9m - Thể tích bể: 36,75m ³ - Vật liệu: Bê tông cốt thép M250
02	Bể sinh học thiếu khí (anoxic)	- Kích thước: L x W x H = 2,8m x 1,3m x 3,5m - Thể tích bể: 13,65m ³ - Vật liệu: Bê tông cốt thép M250
03	Bể sinh học hiếu khí (aerotank)	- Kích thước: L x W x H = 3,0m x 2,2m x 3,5m - Thể tích bể: 23,1m ³ - Vật liệu: Bê tông cốt thép M250
04	Bể lắng	- Kích thước: W x H = 1,9m x 3,5m - Thể tích bể: 10,36 m ³ - Vật liệu: Bê tông cốt thép M250
05	Bể chứa bùn	- Kích thước: L x W x H = 2 m x 1,3 m x 3,5 m - Thể tích bể: 9,1 m ³ - Vật liệu bê tông cốt thép M250

1.3.5. Công trình thu gom nước thải sản xuất

- Nước thải từ vệ sinh bồn khuấy trộn, thu gom lưu chứa trong 03 bể chứa nước thải bằng bê tông cốt thép, kích thước:

+ Bể 01 = 3,7 m x 3,5 m x 2,9 m

+ Bể 02 = 3,8 m x 3,5 m x 2,9 m

+ Bể 03 = 3,7 m x 3,5 m x 2,9 m

- Nước thải từ phòng thí nghiệm, thu gom lưu chứa trong 01 bể chứa nước thải bằng bê tông cốt thép, kích thước 2 m x 1,6 m x 1 m.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Sáu (06) tháng từ khi đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Một (01) hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Một (01) mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, TSS, BOD, sunfua, amoni, phosphat, nitrat, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, coliform.

- Giá trị giới hạn: yêu cầu đầu nổi của Khu công nghiệp Thành Thành Công (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận của đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải: lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải của Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Công.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2120./GPM-T-UBND
ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ khu vực sản xuất thuốc dạng bột.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi hóa chất từ máy sấy của khu vực sản xuất thuốc dạng hạt.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ khu vực máy đóng gói dạng bột.
- Nguồn số 04: Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ khu vực máy đóng gói dạng hạt.
- Nguồn số 05: Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ khu vực đóng gói dạng hạt bán tự động.
- Nguồn số 06: Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ khu vực máy đóng gói cấp liệu từ trên xuống.
- Nguồn số 07: Hơi hóa chất phát sinh từ khu vực sản xuất thuốc dạng nước.
- Nguồn số 08: Hơi hóa chất phát sinh từ khu vực máy đóng gói dạng nước.
- Nguồn số 09: Hơi hóa chất phát sinh từ khu vực máy đóng chai.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- 09 nguồn bụi, khí thải nêu trên được thu gom, xử lý xả ra 01 ống khói thải ra môi trường. Tọa độ vị trí 01 ống xả thải chung: $X = 1220778$; $Y = 587836$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi giờ 3^o)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại Lô A22.1B, đường D7, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng tại ống khói tập trung: $38.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Bụi, khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/m ³	180	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/ND-CP
2	Lưu lượng	m ³ /h	-		
3	Metanol	mg/Nm ³	260	01 năm/lần	
4	Xylenc	mg/Nm ³	870		
5	n-propanol	mg/Nm ³	980		
6	Toluen	mg/Nm ³	750		
7	Benzen	mg/Nm ³	5		
8	Etyl axetat	mg/Nm ³	1.400		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01: khí thải thu gom về 02 thiết bị lọc túi vải đi kèm với máy trước khi dẫn vào hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

Nguồn số 02: khí thải thu gom về 01 thiết bị lọc túi vải đi kèm với máy trước khi dẫn vào hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

Nguồn số 03 đến 09: lắp đặt các đường ống dẫn vào hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ bụi từ nguồn số 01:

Bụi, khí thải từ nguồn số 01 → 02 ống dẫn → 02 thiết bị lọc túi vải đi kèm với máy → hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

1.2.2. Công trình xử lý sơ bộ bụi từ nguồn số 02:

Bụi, khí thải từ nguồn số 02 → 01 ống dẫn → 01 thiết bị lọc túi vải đi kèm với máy → hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

1.2.3. Nguồn số 03 đến 09:

Khí thải thu gom về hệ thống xử lý khí thải tập trung của Dự án.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải tập trung:

- Bụi, khí thải từ nguồn số 01 đến 09 → các chụp hút riêng → các đường ống dẫn → cyclon ướt → tháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ là than hoạt tính) → quạt hút → ống thoát.

- Bụi, khí thải của 09 nguồn được thu gom về 01 hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ sau đó thoát ra môi trường qua 01 ống thoát (chung).

- Công suất: 01 hệ thống xử lý khí thải tập trung cho toàn Dự án, công suất thiết kế: 38.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải, than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng từ khi đưa hệ thống xử lý khí thải đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải chung cho toàn Dự án: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 38.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Tại các ống thải xả khí thải sau xử lý: thiết kế vị trí lấy mẫu đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Thực hiện công khai kết quả quan trắc khí thải định kỳ của Dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2120./GPMT-UBND
ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ công đoạn khuấy trộn.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ công đoạn đóng gói sản phẩm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn độ rung từ khu vực đặt 01 hệ thống xử lý nước thải và 01 hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 01 (Nguồn số 01): X = 1220145; Y = 587835.
- Vị trí số 02 (Nguồn số 02): X = 1220148; Y = 587839.
- Vị trí số 03 (Nguồn số 03): X = 1220778; Y = 587836

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3, Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...2120...../GPMT-UBND
ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1.	Than hoạt tính thải	12 01 04	Rắn	1.200	NH
2.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	12	NH
3.	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50	NH
4.	Bao bì mềm thải	14 01 05	Rắn	300	KS
5.	Bao bì cứng thải	14 01 06	Rắn	450	KS
6.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,	18 02 01	Rắn	90	KS
7.	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	20	NH
8.	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	271.000	KS
9.	Cặn nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 02	Rắn	5.500	KS
Tổng cộng				278.622	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy vụn văn phòng	18 01 05	Rắn	30
2	Bao bì đóng gói và nhãn mác hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	19 03 03	Rắn	270
3	Hộp mực in thải	08 02 06	Rắn	6
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	03 04 10	Rắn	618
Tổng cộng				924

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Hạng mục	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	78.000
	Tổng cộng	78.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 60- 120 lít/thùng chứa riêng từng loại CTNH, có dán nhãn và ký hiệu phân loại theo quy định.

Đối với CTNH dạng lỏng: được chứa trong bể chứa bằng BTCT sau đó được bơm hút lên bồn chứa của Đơn vị thu gom để vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho CTNH: 25,2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa CTNH: Kho có tường bao và mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh thu gom chất thải lỏng rơi vãi, bên ngoài có lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định. Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị thiết bị PCCC (Bình CO₂, bình bột); Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy, bao bì.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 19,6 m².

Thiết kế, cấu tạo: Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường nằm ngoài nhà xưởng sản xuất có mái che, sàn bê tông chống thấm, tường gạch, có gắn biển báo và tên các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 07 thùng nhựa 120 lít và 02 thùng nhựa 60 lít có nắp đậy, dán nhãn theo đúng quy định để chứa 03 loại chất thải (gồm chất thải thực phẩm, chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng và chất thải sinh hoạt còn lại).

- Khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa tại khu vực xưởng sản xuất (04 thùng 120 lít), văn phòng (02 thùng 60 lít) và nhà ăn (03 thùng 120 lít).

Các thùng rác được đặt ở khu vực lối ra vào thuận tiện cho công nhân viên bỏ rác vào thùng. Các thùng chứa rác sinh hoạt được công nhân vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thiết kế, cải tạo kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4, Nghị định số 11/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định tại mục 5, QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2120/GPMT-UBND
ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của KCN Thành Thành Công. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.